TÒA ÁN NHÂN DÂN
**HUYỆN T**
**TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024
*"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Minh N

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đào Văn N

2. Bà Vũ Thị T

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1988 - Có đơn xin vắng mặt.

***Bị đơn:*** Anh **Trần Thanh O**, sinh năm 1984 - Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 18/02/2008 – Vắng mặt;

+ Cháu Trần Quốc K, sinh ngày 16/3/2010 – Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

*Người đại diện theo pháp luật cho các cháu Gia và K:* Anh Trần Thanh O và chị Trần Thị T là bố, mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1966;

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1960

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh HưngYên.

*Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh O, sinh năm 1984 là người cùng thôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 29/12/2006 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, bảo ban nhau làm ăn và chăm sóc nuôi dưỡng các con. Đến khoảng đầu năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng lời qua tiếng lại, thường xuyên tranh cãi, không bảo ban được nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh O nghiện ma túy nên gây sự với vợ và không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị T và gia đình đã động viên anh O cai nghiện. Đến khoảng tháng 06/2014 anh O đến cơ sở cai nghiện thì chị cho các con đến sống bên nhà ông bà ngoại trông nhà cho ông bà. Một năm sau anh O trở về sống luôn ở bên ông bà ngoại cùng chị và các con. Chị T luôn động viên anh O hy vọng duy trì hạnh phúc gia đình nhưng anh O vẫn không thay đổi và lại tái nghiện nên vợ chồng không thể hòa thuận được nữa. Đến khoảng tháng 10/2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh O  không sống cùng với chị nữa anh O nói với chị T là về bên nội nhưng thực chất anh đi đâu, làm gì không ai hay biết. Anh O đã từ chối mọi liên lạc với chị T. Suốt 04 năm qua, anh O vẫn không thay đổi, không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã sống ly thân 04 năm không phụ thuộc về kinh tế.

Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh O, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh O để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh O có 02 con chung là các cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Trần Quốc K, sinh ngày 16/3/2010. Hiện nay cháu K đang ở với chị T. Cháu G đang ở với anh O. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh O tiếp tục nuôi dưỡng cháu G. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh chị đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Trần Thanh O đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai nhưng anh O chỉ đến làm việc tại Tòa án 01 lần sau khi trình bày bản tự khai, anh không đồng ý để Tòa án tiến hành lấy lời khai. Tại bản tự khai anh O thống nhất với chị T về thời điểm kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Anh O xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng chị T không thông cảm và chia sẻ với anh. Từ năm 2018 chị T ở luôn bên ngoại và không về gia đình anh nữa. Anh chị đã sống ly thân 04 năm, không quan tâm đến nhau. Anh O xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng và mong muốn các con có gia đình ổn định nên anh O có nguyện vọng xin đoàn tụ với chị T.

Về con chung: Anh xác định, anh chị có 02 con chung là các cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Trần Quốc K, sinh ngày 16/3/2010. Hiện nay cháu K đang ở với chị T. Cháu G đang ở với anh O.

Về tài sản chung, nợ chung, ruộng: Anh không đề cập trong bản tự khai.

*Người làm chứng ông Trần Văn T là bố đẻ của chị T và bà Trần Thị T là mẹ đẻ của anh Trần Thanh O đều trình bày:* Sau khi kết hôn chị T, anh O sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bất đồng quan điểm và anh O nghiện ma túy. Từ đó vợ chồng chị T, anh O không hòa thuận. Chị T và anh O đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh O, quan điểm của hai bên gia đình là hôn nhân của anh chị do anh chị quyết định.

*Tại Biên bản lấy lời khai của các cháu Trần Hoàng G và Trần Quốc K là con của chị T và anh O thể hiện:* Chị T và anh O không sống chung với nhau, không quan tâm và không nói chuyện với nhau kể cả việc gặp mặt. Thời gian như vậy kéo dài hơn 02 năm. Cháu G có nguyện vọng được sống cùng anh O, cháu K có nguyện vọng được sống cùng chị T.

*Xác minh tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên được biết:* Chị T, anh O đều là người địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển 01/2006 ngày 29/12/2006. Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Thời gian đầu vợ chồng chị T, anh O chung sống rất hạnh phúc. Sau đó có xảy ra nhiều mâu thuẫn, lời qua tiếng lại. Anh chị đã sống ly thân khoảng 04 năm, không ai quan tâm đến ai, anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương.Nay chị Trần Thị T có đơn xin ly hôn với anh Trần Thanh O thì quan điểm của UBND xã L là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/12/2023: Anh O vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tòa án đã tiền hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kết quả cho gia đình anh O, gia đình cũng cam đoan sẽ giao văn bản cho anh O. Anh O không có ý kiến thắc mắc gì.

Ngày 24/01/2024, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa ra xét xử vụ án nhưng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Trần Thanh O được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trần Thị T. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh O.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 18/02/2008 hiện đang ở với anh O; Cháu Trần Quốc K, sinh ngày 16/03/2010 hiện đang ở với chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Hoàng G cho anh O tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Quốc K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T, anh O không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh chị đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không đề cập đến nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng*: Chị Trần Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Thanh O có nơi cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử. Anh O mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 24/01/2024 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24/01/2023 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 31/01/2024. Anh O đã được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt chị chị T, anh O theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227;khoản 1 điều 228, điều238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh O có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 29/12/2006 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không bảo ban được nhau. Nguyên nhân do anh O nghiện ma túy nên gây sự với chị T.Chị T đã cho anh O cơ hội để anh O thay đổi nhưng sau khi cai nghiện về được một thời gian ngắn thì anh O lại tái nghiện rồi không sống cùng chị T và các con nữa, anh O đi đâu, làm gì không ai hay biết, anh chị không thể hòa hợp, không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân 04 năm, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh O.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập anh O lên để lấy lời khai và hoà giải, anh O mặc dù có lên làm việc với Tòa án 01 lần nhưng chỉ cung cấp tự khai sau khi trình bày bản tự khai anh O không đồng ý để Tòa án tiến hành lấy lời khai. Tòa án tiến hành hòa giải để cho anh O có cơ hội đoàn tụ gia đình với chị T, anh O không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và đều vắng mặt không có lý do, anh O cũng không đưa ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Cùng với sự trình bày của người làm chứng là ông Trần Văn T và bà Trần Thị T đều thể hiện chị T anh O có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ lâu. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, anh O đều không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện anh O không có thiện chí đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. ChịT vẫn giữ quan điểm kiên quyết xin ly hôn với anh O.

Từ những căn cứ trên,Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh O đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh chị đã ly thân 04 năm nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 18/02/2008 hiện đang ở với anh O; Cháu Trần Quốc K, sinh ngày 16/03/2010 hiện đang ở với chị T.

Xét đề nghị của chị T cũng như nguyện vọng của các cháu Trần Hoàng G và Trần Quốc K: Chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu cháu K và đề nghị Tòa án giao cháu G cho anh O nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu G xin được ở với anh O, nguyện vọng của cháu K xin được ở với chị T cũng như để không làm xáo trộn cuộc sống và học tập của các cháu. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Trần Quốc K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hoàng G cho anh O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Chị T, anh O không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh chị đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Nguyên đơn chị T không yêu cầu, anh O không đề cập đến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6].Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh O.

***- Về con chung:***Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh O có 02 con chung là các cháu Trần Hoàng G, sinh ngày 18/02/2008 và Trần Quốc K, sinh ngày 16/03/2010. Hiện nay cháu G đang ở với anh O, cháu K đang ở với chị T.

Giao cháu Trần Hoàng G cho anh O được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao cháu Trần Quốc K cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu G và K đủ 18 tuổi. Chị T, anh O không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị T, anh O đều được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung:*** Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu BLTU/23số 0000510ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L (CNKH số 51/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Minh N**